

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2020/HS-ST
Ngày 14-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hiền

Ông Lã Ngọc Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Tiến Đ, sinh ngày 19/01/2001, tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng trẻ SOS V, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: không xác định, con bà: Trần Thị Bích H; vợ con: không có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 24/02/2020, bị khởi tố chuyển tạm giam ngày 27/02/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam của Công an tỉnh Phú Thọ, có mặt.

- Bị hại:Cháu Nguyễn Ngọc Vân T, sinh ngày 19/6/2004 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Bị hại: Chị Lê Thị Vân A, sinh năm 1978

Địa chỉ: số nhà 1025, tổ 8c, phường S, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị hại: Bà Bùi Thu H, sinh năm 1984.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Tiến Đ, sinh ngày 19/01/2001, hộ khẩu thường trú: Làng trẻ SOS V, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Từ khi sinh ra, Đ được làng trẻ nuôi ăn, ở và học hành. Đến năm 2018, Đ đến tuổi trưởng thành và ra xã hội tự lập. Đ ở nhờ tại quán cầm đồ Ngọc C thuộc xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ do anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: xã Bình Phú, huyện P làm chủ. Anh C cho Đ ở nhờ tại quán và giao chìa khóa cho Đ trông quán hộ. Khoảng tháng 4 năm 2019, Đ nảy sinh quan hệ yêu đương với cháu Nguyễn Ngọc Vân T, sinh ngày 19/6/2004, hộ khẩu thường trú: tổ 23b, Mai Sơn I, phường S, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình yêu đương, cháu T nói cho Đ biết ngày tháng năm sinh của mình là 19/6/2004, Đ lưu ngày, tháng, năm sinh của T trên điện thoại mình qua ứng dụng Been Love. Từ khoảng đầu tháng 11 năm 2019 đến ngày 01/01/2020, Trần Tiến Đ đã 02 lần quan hệ tình dục với cháu T, cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng đầu tháng 11 năm 2019, Đ và cháu T cùng đi đến nhà nghỉ N, địa chỉ: khu 7, phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ do bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1964, hộ khẩu thường trú: khu 7, phường B, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ làm chủ. Khi đến nhà nghỉ N, Đ gặp anh Lê Minh C1, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú: khu 7, phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là con của bà H và là người quản lý, trực tiếp kinh doanh nhà nghỉ. Đ hỏi thuê phòng nhưng anh C1 không đồng ý do Đ không có chứng minh thư nhân dân mang theo. Đ đã gọi điện nhờ một người tên là Bin (Đ và anh C1 không biết tên thật của Bin), là người làm trước đây tại nhà nghỉ An Phát nói hộ với anh C1 nên anh C1 đã đồng ý cho Đ thuê phòng 304 nhưng không ghi tên Đ vào sổ quản lý lưu trú của nhà nghỉ (anh C1 không biết việc Đ và T có quan hệ yêu đương). Sau khi vào phòng, Đ và T nằm lên giường. Sau một lúc ôm, hôn nhau thì Đ và T tự cởi quần áo của mình ra, rồi T nằm ngửa ra giường, Đ nằm đè lên người T. Đ dùng dương vật của mình đút vào âm hộ của T và đưa ra đưa vào âm hộ. Khoảng 05 phút sau thì Đ xuất tinh vào trong âm hộ của T. Sau khi quan hệ xong, Đ và T nằm ôm nhau ngủ đến sáng hôm sau thì dậy và tự mặc quần áo của mình rồi đi về.

Lần thứ 2: Khoảng 1 giờ sáng ngày 01/01/2020, Đ cùng T đi đến quán Trà chanh Donquiete ở khu 5, xã X, huyện P, tỉnh Phú Thọ (nơi T làm nhân viên làm việc bán thời gian). Tại đây, Đ và T cùng một số người bạn của T ngồi ăn lẩu, uống rượu tại quán. Đến khoảng 4 giờ sáng cùng ngày, Đ và T rời quán và đi về phòng ngủ của Đ ở quán cầm đồ Ngọc C. Tại đây, Đ và T nằm lên giường ôm hôn nhau và tự cởi quần áo của mình ra. T nằm ngửa trên giường, Đ nằm đè lên người T. Đ dùng dương vật của mình đút vào âm hộ của T và đưa ra đưa vào âm hộ. Khoảng 05 phút sau thì Đ xuất tinh vào trong âm

hộ của T. Sau khi quan hệ xong, Đ và T tự mặc quần áo của mình vào và ngủ tới sáng.

Đến khoảng tháng 02 năm 2020, do T kêu đau bụng nên mẹ đẻ của T là chị Lê Thị Vân A, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú: số nhà 1025 tổ 8C, phường S, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã đưa T đi khám và phát hiện T đang mang thai. T kể lại cho chị Vân A nghe chuyện tình cảm của mình với Đ và thú nhận đã hai lần cho Đ quan hệ tình dục. Ngày 24/02/2020, chị Vân Anh đã có đơn tố cáo đến Cơ quan công an thành phố Việt Trì về việc Trần Tiến Đ có hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Ngọc Vân T. Cơ quan điều tra – Công an thành phố Việt Trì đã tiến hành khám nghiệm hiện trường theo quy định để phục vụ công tác điều tra.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bản Cáo trạng số: 100/CT-VKS-VT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Trần Tiến Đ về tội “Tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, không bổ sung hoặc thay đổi nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Tiến Đ phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo Trần Tiến Đ từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2020.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng.

- Về vật chứng vụ án:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7, số IMEI1 866042045598088; IMEI2 866042047758086; tịch thu tiêu hủy mẫu tóc của Đ và T không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Đ 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Tiến Đ.

Về án phí: buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Việt Trì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng Đ cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đúng thời hạn do pháp luật quy định nên các hành vi, quyết định tố tụng khác của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại đã có lời khai đầy đủ, đã trình bày ý kiến của mình về các vấn đề có liên quan trong vụ án nên sự vắng mặt của bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại tại phiên tòa của không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại là không vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Tiến Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay đều thống nhất, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 11 năm 2019 đến ngày 01/01/2020, Trần Tiến Đ (đã trên 18 tuổi) đã 02 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Ngọc Vân T tại nhà nghỉ N thuộc khu 7, phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và quán cầm đồ Ngọc C thuộc xã B1, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Cả hai lần Đ giao cấu với T được xác định khi đó T đều dưới 16 tuổi. Hậu quả làm cháu T có thai.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự, nội dung điều luật quy định:

Điều 145. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi

“1. Người nào từ đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm 10 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên

.....

d) Làm nạn nhân có thai.”

Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm, đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của cháu Nguyễn Ngọc Vân T (là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi) được pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên bị cáo phải chịu hậu quả về hành vi phạm tội của mình.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần

mức hình phạt tù cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

- Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 7, số IMEI1 866042045598088; IMEI2 866042047758086 đã thu giữ của bị cáo Đ, có liên quan đến hành vi phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Tiến Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Đ

- Đối với hũy mẫu tóc của Đ và T không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với nhà nghỉ N, khi Đ và T đến thuê phòng, anh Lê Minh C1 là người quản lý nhà nghỉ, mặc dù Đ không xuất trình giấy tờ tùy thân mà vẫn cho Đ và T thuê phòng và không thực hiện việc thông báo lưu trú với Công an phường B, thành phố Việt Trì, nên ngày 03/6/2020, Công an thành phố Việt Trì đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-XPHC đối với chủ nhà nghỉ là bà Nguyễn Thị Thu H, mức xử phạt là 1.500.000đ là phù hợp.

Đối với chủ quán cầm đồ Ngọc C, do anh C không biết việc quan hệ tình dục của Đ và T tại quán của mình nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại là cháu T và người đại diện theo pháp luật của bị hại là chị Lê Thị Vân A không có yêu cầu bồi thường gì, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Tiến Đ.

[3] *Về án phí*: Bị cáo Trần Tiến Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 145; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Tiến Đ phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”,

Xử phạt bị cáo Trần Tiến Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/02/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ.

2. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: hủy mẫu tóc của Đ và T

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Đ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 7, số IMEI1 866042045598088; IMEI2 866042047758086.

- Trả lại cho bị cáo Đ 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Tiến Đ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Việt Trì và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì).

3. Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Tiến Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- CA TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- UBND P.D, TP V, Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thanh Huyền